

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/DS-ST

Ngày: 20/3/2023

(V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Phong Lan

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị H Nga

2. Bà Lưu Thị Thôi

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thái Hà - Cán bộ
Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia
phiên tòa: Bà Cao Thị Hường – Kiểm sát viên.

Vào lúc 14 giờ 15 phút ngày 20 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 05/2023/TLST- DS ngày 04 tháng 01 năm 2023 về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Hoàng Thị A, sinh năm: 1954

Trú tại: khu phố 5, phường B, TP Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bà A tham gia tố tụng: Ông Lương Công Hữu C, sinh năm 1956 - Trú tại: khu phố 4, phường D, TP Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

* **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1966

Trú tại: khu phố 5, phường B, TP Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà E: Ông Lê Văn F, sinh năm 1983 - Luật sư (thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Thuận) - Công ty Luật TNHH MTV Bình Thuận - Địa chỉ: số 10 đường 19/4, phường Xuân An, TP Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Nguyễn G, sinh năm 1946

Trú tại: khu phố 5, phường B, TP Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận
Người đại diện theo ủy quyền của ông G tham gia tố tụng: Ông Lương Công Hữu C, sinh năm 1956 - Trú tại: khu phố 4, phường D, TP Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Ông Trần Văn H, sinh năm: 1965
Trú tại: khu phố 5, phường B, TP Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận
Tại phiên tòa có mặt ông Lương Công Hữu C, bà Nguyễn Thị E, ông Lê Văn F và ông Trần Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị A và ông Nguyễn G, ông Lương Công Hữu C trình bày:*

Bà Hoàng Thị A và bà Nguyễn Thị E là hàng xóm của nhau, nên bà A có cho bà E vay tiền từ năm 2012. Sau đó, bà E không trả tiền cho bà A nên bà A đã làm đơn gửi đến Công an phường B giải quyết thì bà A và bà E thỏa thuận làm giấy cam kết trả tiền đề ngày 03/3/2022, có nội dung bà E có vay của bà A số tiền 653.000.000 đồng, bà E cam kết mỗi tháng trả cho bà A 5.000.000 đồng, trả vào ngày 30 âm lịch hàng tháng.

Thực hiện theo giấy cam kết thì bà E đã trả cho bà A được 09 tháng là 45.000.000 đồng, bà E bắt đầu trả từ ngày 29/02/2022 đến ngày 30/10/2022 (âm lịch), còn từ ngày 29/11/2022 (âm lịch, tức ngày 22/12 dương lịch) đến nay bà E đã vi phạm cam kết không trả nữa. Chồng bà E là ông Trần Văn H có biết bà E vay tiền của bà A và cũng có lúc ông H cầm tiền trả cho vợ chồng bà A.

Nay bà A và ông G yêu cầu bà E và ông H phải trả cho ông bà số tiền vay 608 triệu đồng, không yêu cầu trả tiền lãi suất.

** Theo bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị E trình bày:*

Bà E và bà A là hàng xóm của nhau, nên bà có vay tiền của bà A từ năm 2012. Sau đó, bà không trả tiền cho bà A nên bà A đã làm đơn gửi đến Công an phường B giải quyết thì bà đã viết giấy cam kết trả tiền đề ngày 03/3/2022 tại Công an phường B, có nội dung bà có vay của bà A số tiền 653.000.000 đồng, bà cam kết trả tiền cho bà A mỗi tháng 5.000.000 đồng, trả vào ngày 30 âm lịch hàng tháng. Bà vay tiền của bà A về cho người khác vay lại để hưởng lãi suất chênh lệch để mua thuốc uống, lâu lâu phụ thêm trả tiền điện, nước cho gia đình. Bà E đã trả cho bà A được 09 tháng là 45.000.000 đồng như bà A trình bày là đúng, từ ngày 29/11/2022 (âm lịch) đến nay bà E chưa trả tiền cho bà A là đúng.

Nay bà E thừa nhận còn nợ bà A số tiền 608 triệu đồng và bà đồng ý trả cho bà A và ông G số tiền này theo cam kết trả mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, còn chồng bà không có liên quan.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H trình bày:*

Ông là chồng của bà E, ông bà có đăng ký kết hôn.

Bà E có báo cho ông biết vợ chồng bà Hoàng Thị A và ông Nguyễn G kiện vợ chồng ông về việc vay tiền. Bà E vay bà A số tiền 653 triệu đồng và đã trả được 45 triệu đồng, còn nợ 608 triệu đồng ông không biết, vì bà E không nói cho ông biết. Chỉ khi bà A đến nhà ông đòi nợ ông mới biết và khi giấy báo của Công an phường B mời bà E ra giải quyết ông mới biết. Bà E là người nội trợ chăm lo toàn bộ cuộc sống gia đình như ăn uống, tiền thuốc men của bà vì bà bị cột sống, lâu lâu trả tiền điện, nước của gia đình, hàng tháng ông đưa cho bà E 3.000.000 đồng để trang trải cuộc sống gia đình.

Nay ông G và bà A yêu cầu vợ chồng ông trả số tiền 608 triệu đồng ông không đồng ý, vì số tiền này bà E vay thì bà E trả.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có đủ cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Luật sư. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn bà Nguyễn Thị E cư trú tại thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy, bà Hoàng Thị A và ông Nguyễn G yêu cầu bà Nguyễn Thị E và ông Trần Văn H phải trả số tiền vay 608.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ bà A đã nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là Giấy cam kết trả tiền đề ngày 03/3/2022 có chữ ký và chữ viết của bà Nguyễn Thị E (bản chính viết tay), trong đó có thể hiện nội dung bà Nguyễn Thị E có vay của bà Hoàng Thị A số tiền 653.000.000 đồng và bà E cam kết trả cho bà A mỗi tháng 5.000.000 đồng. Sau đó, bà E có trả cho bà A được 09 tháng là 45.000.000 đồng, còn nợ 608.000.000 đồng

nhưng không tiếp tục trả theo cam kết nên bà A và ông G đã kiện yêu cầu bà E và ông H phải trả số tiền 608.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà E thừa nhận có nợ bà A và ông G số tiền 653.000.000 đồng, bà đã trả được 45.000.000 đồng, còn nợ chưa trả 608.000.000 đồng như bà A trình bày là đúng. Bà vay số tiền này về cho người khác vay lại để hưởng lãi suất chênh lệch, kiếm thêm thu nhập để mua thuốc uống, lâu lâu phụ thêm trả tiền điện, nước cho gia đình. Tuy nhiên, bà vay số tiền này ông H chồng bà không biết, bà vay bà sẽ có trách nhiệm trả cho bà A và ông G. Còn ông H cho rằng, ông là chồng của bà E. Bà E là người nội trợ chăm lo toàn bộ cuộc sống gia đình như ăn uống, lo tiền thuốc men của bà, lâu lâu bà trả tiền điện, nước của gia đình, hàng tháng ông đưa cho bà E ba triệu đồng để trang trải cuộc sống gia đình. Việc bà E vay tiền của ông G và bà A ông không biết, bà E vay thì bà E trả, ông không đồng ý trả.

Xét thấy, bà E vay tiền của bà A không có ông H tham gia, giao dịch vay tiền do bà E thực hiện, tuy nhiên bà E vay tiền của bà A về cho người khác vay lại để lấy tiền lãi suất chênh lệch nhằm để phục vụ, đáp ứng nhu cầu thiết yếu, thông thường của gia đình ông bà như ăn uống, trả tiền điện, nước, ốm đau thì ông H phải chịu trách nhiệm liên đới về nghĩa vụ do bà E thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình và đã được ông bà thừa nhận như đã nêu trên. Do đó, xét thấy yêu cầu của bà A và ông G là phù hợp với quy định tại Điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự, nên được chấp nhận và buộc ông Trần Văn H phải chịu trách nhiệm liên đới cùng với bà Nguyễn Thị E trả cho bà Hoàng Thị A và ông Nguyễn G số tiền 608 triệu đồng là đúng pháp luật.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của bà A và ông G được chấp nhận nên bà E và ông H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ **Căn cứ:** Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 95, Điều 262, khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 Bộ Luật dân sự;
- Điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Luật Thi hành án dân sự.

2/ **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị A và ông Nguyễn G, buộc bà Nguyễn Thị E và ông Trần Văn H phải trả cho bà A và ông G số tiền **608.000.000** đồng (*Sáu trăm lẻ tám triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị E và ông Trần Văn H phải nộp 28.320.000 đồng (*Hai mươi tám triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Hoàng Thị A là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

4/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt các đương sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Phong Lan